

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26-06-2026

V/v “*Tranh chấp không công
nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa

Ông Nguyễn Quang Hưng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm: 1992; số CCCD: 045192011506. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Bị đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm: 1988; số CCCD: 045088005345. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chị N và anh H chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên là Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016. Tuy nhiên về sau năm 2017 chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và từ đó không còn sống chung với nhau nữa. Nay chị Hồ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “không công nhận vợ chồng” giữa chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H.

Về con chung: Chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H có với nhau 01 con chung tên là Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Thúy H1, không yêu cầu anh Hồ Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Văn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi ở cuối cùng của anh Hồ Văn H trước khi vắng mặt tại địa phương. Tuy nhiên anh Hồ Văn H không có ý kiến gì, anh Hồ Văn H đã vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H tại nơi đăng ký thường trú là xã T, tỉnh Quảng Trị và tại xã Đ, tỉnh Quảng Trị, kết quả như sau:

Kết quả xác minh tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị vào ngày 07/5/2026: Qua kết quả kiểm tra trên phần mềm hệ tịch điện tử UBND xã T không có hồ sơ kết hôn của bà Hồ Thị N, sinh năm 1992; Số CCCD: 045192011506; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị và ông Hồ Văn H sinh năm: 1988; Số CCCD: 045088005345; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

Kết quả xác minh tại UBND xã Đ, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/4/2026: Qua kết quả kiểm tra trên phần mềm hệ chiếu điện tử của Bộ Tư pháp UBND xã Đakrông, tỉnh Quảng Trị, kết quả không hiển thị hồ sơ kết hôn của bà Hồ Thị N, sinh năm 1992; Số CCCD: 045192011506; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị và ông Hồ Văn H sinh năm: 1988; Số CCCD: 045088005345; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị

Đồng thời qua kiểm tra hồ sơ hệ tịch, sổ hộ tịch tại UBND xã Đ, tỉnh Quảng Trị không lưu hồ sơ đăng ký kết hôn giữa Bà Hồ Thị N sinh năm 1992; Số CCCD: 045192011506; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị và Ông Hồ Văn H sinh năm 1988; Số CCCD: 045088005345; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 29/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 đã tiến hành xác minh tại thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị, ông Hồ Văn L trưởng thôn cho biết:

Chị Hồ Thị N và anh Hồ văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến năm 2017 tại thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ), nay là Thôn T cá, xã Đ, tỉnh Quảng Trị nhưng chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H không đăng ký kết hôn với nhau; Quá trình chung sống, chị N và anh H có với nhau 01 con chung là cháu Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016, hiện nay cháu Hồ Thị Thúy H1 đang sống với M là chị Hồ Thị N tại thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị; anh Hồ Văn H đi làm xa, vắng mặt tại địa phương.

Ngày 28/4/2026, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016 cháu có nguyện vọng được ở với Mẹ là chị Hồ Thị N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể trong vụ án này, đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn, xác minh về nơi cư trú của bị đơn. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Đảm bảo sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Hồ Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hồ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền thăm nom con chung mà chị Hồ Thị N không được cản trở.

Về án phí: Chị Hồ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Hồ Văn H, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp không công nhận vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/04/2026, của nguyên đơn xác định bị đơn anh Hồ Văn H có nơi thường trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thông tin nơi cư trú tại công an xã Đ, tỉnh Quảng Trị, kết quả là bị đơn anh Hồ Văn H có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hồ Văn H nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có ý kiến gì. Vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Văn H

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và đã có 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị N và anh H có thời gian chung sống với nhau, nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị N và anh H là vợ chồng.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2025 quy định: *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý (khoản 1 Điều 9); N1, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (khoản 1 Điều 14); Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này (khoản 2 Điều 53).*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị và UBND xã Đ, tỉnh Quảng Trị là nơi cư trú của chị N và nơi cư trú của anh H, kết quả: Qua kết quả kiểm tra trên phần mềm hộ tịch điện tử

UBND xã T và UBND xã Đ không có hồ sơ kết hôn của bà Hồ Thị N, sinh năm 1992; Số CCCD: 045192011506; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị và ông Hồ Văn H sinh năm: 1988; Số CCCD: 045088005345; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H chung sống tự nguyện từ năm 2015, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của chị N, anh H không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, quan hệ giữa chị N và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung:

Chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H có với nhau 01 con chung tên là Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016; Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Thúy H1, không yêu cầu anh Hồ Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Qua quá trình xác minh tại địa phương, ông Hồ Văn L trưởng thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị cho biết: Hiện nay, cháu Hồ Thị Thúy H1 đang sống với M là chị Hồ Thị N tại thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị; anh Hồ Văn H đi làm xa, vắng mặt tại địa phương; Căn cứ vào biên bản lấy ý kiến của cháu Hồ Thị Thúy H1 vào ngày 28/4/2026: Cháu Hồ Thị Thúy H1 có nguyện vọng được ở với Mẹ là chị Hồ Thị N; Vì vậy Tòa án quyết định giao cháu Hồ Thị Thúy H1 cho chị Hồ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản chung:

Chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí:

Chị Hồ Thị N thuộc người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị Thúy H1, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Hồ Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hồ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền thăm nom con chung mà chị Hồ Thị N không được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7-Quảng Trị;
- Phòng THADS KV7-Quảng Trị;
- UBND xã Tà Rụt;
- UBND xã Đakrông;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Thành